

Bản án số: **145/2018/HS-PT**

Ngày: 19/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Nguyễn Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 130/2018/TLPT-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn H, do có kháng cáo của do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ, bà Nguyễn Tống Kỳ A, ông Lê Văn B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2017/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn H; Sinh ngày 26/11/1972 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 42 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH gạch T số 2 tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc; Kinh; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn T và bà Tống Thị Y; có vợ là Nguyễn Thị Hồng Đ; có 03 con, lớn nhất 20 tuổi, nhỏ nhất 05 tuổi; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 19/02/1990, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2017; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đ; sinh năm 1973

Trú tại: Số 10 kiệt 02, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế; Có

mặt.

- Ông Lê Văn B; sinh năm 1965
- Bà Nguyễn Tổng Kỳ A; sinh năm 1970

Cùng trú tại: 73/12 đường H, phường Vạ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Đều có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông B và bà A: Ông Nguyễn Thành Đ, Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố tại về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn H nguyên Trưởng phòng kế toán tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Gạch T số 02 Thừa Thiên Huế (*gọi tắt là Công ty gạch T*). Từ cuối năm 2015, Nguyễn H đã lợi dụng sự uy tín của bản thân nói với bà Trần Thị Kim C và bà Lương Thị Thanh Th (*đều là thủ quỹ của Công ty Gạch T*) lấy tiền tồn quỹ trong ngày của Công ty Gạch T đưa cho Nguyễn H mượn để sử dụng vào mục đích cá nhân, rồi sau đó sẽ trả lại. Mỗi lần cần tiền tiêu xài, H đều đến gặp bà C, bà Th, nói với bà C, bà Th kiểm tra quỹ tồn còn bao nhiêu lấy cho H mượn hoặc khi ở ngoài Công ty thì H sử dụng điện thoại di động của mình để nhắn tin số tiền cần mượn. H hứa sẽ trả lại tiền đầy đủ và không làm ảnh hưởng đến công việc của bà C, bà Th.

1. Về hành vi mượn tiền của Công ty Gạch T thông qua bà Trần Thị Kim C rồi chiếm đoạt số tiền 956.000.000 đồng:

Bà Trần Thị Kim C là nhân viên của phòng tổ chức kiêm thủ quỹ của Công ty Gạch T do tin tưởng Nguyễn H nên đã nhiều lần lấy tiền của Công ty Gạch T cho Nguyễn H mượn để chi tiêu cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 02/9/2015 đến ngày 29/02/2016, Nguyễn H đã nhiều mượn tiền của Công ty Gạch T thông qua bà C với số tiền 1.306.000.000 đồng, H đã trả lại 02 lần với số tiền 350.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 956.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Từ tháng 9 đến tháng 10/2015, bà C cho H mượn 08 lần với số tiền: 220.000.000đ. Tháng 11/2015, bà C cho H mượn 08 lần với số tiền: 380.000.000 đ. Tháng 12/2015, bà C cho H mượn 05 lần với số tiền: 199.000.000 đ.

Ngày 31/12/2015 H trả 300.000.000 đồng và ngày 11/01/2016, H trả lại 50.000.000 đồng để cho bà C bù vào quỹ của Công ty Gạch T.

- Từ ngày 18/01/2016 đến ngày 30/01/2016, bà C cho H mượn 04 lần với số tiền: 260.000.000 đồng. Tháng 02/2016, bà C cho H mượn 05 lần với số tiền: 247.000.000 đ.

2. Về hành vi mượn tiền của Công ty Gạch T thông qua bà Lương Thị Thanh Th rồi chiếm đoạt số tiền 1.567.000.000 đồng:

Bà Lương Thị Thanh Th là nhân viên của phòng tài chính kế toán phụ trách

thủ quỹ của Công ty do tin tưởng Nguyễn H là người có uy tín nên sau khi được bà C bàn giao lại quỹ. Bà C cùng bà xác nhận khoản tiền cho H mượn là 956.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/3/2016 đến ngày 09/10/2016, H đã mượn tiền của Công ty Gạch T thông qua bà Th với số tiền 1.792.000.000 đồng, H đã trả lại 02 lần với số

tiền 225.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 1.567.000.000 đồng của Công ty Gạch T, cụ thể như sau:

- Tháng 3/2016, bà Th cho H mượn 6 lần với số tiền: 305.000.000đ. Ngày 21/3/2016, H trả lại số tiền 125.000.000 đồng và ngày 21/4/2016, H trả lại 100.000.000 đồng cho bà Th để bù vào quỹ của Công ty Gạch T.

- Tháng 5/2016, bà Th cho H mượn 10 lần với số tiền: 600.000.000đ.

- Tháng 6/2016, bà Th cho H mượn 03 lần với số tiền: 190.000.000đ.

- Tháng 7/2016, bà Th cho H mượn 07 lần với số tiền: 373.000.000đ.

- Tháng 8/2016, bà Th cho H mượn 03 lần với số tiền: 44.000.000đ.

- Tháng 9/2016, bà Th cho H mượn 03 lần với số tiền: 170.000.000đ.

- Tháng 10/2016, bà Th cho H mượn 02 lần với số tiền: 90.000.000đ.

Sau khi Nguyễn H mượn được tiền của Công ty Gạch T từ bà C, bà Th với tổng số tiền là 2.523.000.000 đồng không có khả năng trả lại nên H đã lợi dụng chức vụ Trưởng phòng Kế toán tài chính, kiêm Kế toán trưởng Công ty Gạch T đã dùng thủ đoạn gian dối là cân đối sổ sách kế toán, chuyển doanh thu của các khách hàng có doanh thu lớn sang các khách hàng có doanh thu thấp, chỉ đạo nhân viên lập phiếu thu tiền do các khách hàng mua lẻ trả cho các khách hàng lớn hơn (*đại lý*) rồi H chia đều công nợ chưa trả cho các khách hàng gần đều nhau, ở mức chấp nhận được và có thể không bị kiểm tra lại. Sau đó Nguyễn H chỉnh sửa lại số liệu công nợ của các khách hàng trên báo cáo quyết toán Quý 3 năm 2016 (*mà H là người chịu trách nhiệm lập để báo cáo với Ban giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị*) bằng cách hủy 65 Phiếu thu của 31 khách hàng, nâng không công nợ chưa trả của 31 khách hàng lên cao với số tiền 2.751.770.600 đồng (*hai tỷ bảy trăm năm mươi một triệu sáu trăm đồng*), nhằm chiếm đoạt số tiền của Công ty Gạch T.

Khi trình báo quyết toán Quý 3 năm 2016 cho Giám đốc Công ty Gạch T ký để trình Hội đồng quản trị Công ty Gạch T thì Giám đốc đã nghi ngờ việc làm sai phạm của Nguyễn H nên đã báo cáo với Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm soát để kiểm kê, rà soát lại toàn bộ sổ sách, chứng từ kế toán thì phát hiện Nguyễn H đã hủy 65 phiếu thu của 31 khách hàng, chỉnh sửa số liệu trong báo cáo quyết toán cho phù hợp với công nợ của khách hàng để chiếm đoạt tiền của Công ty Gạch T.

Ngày 01/11/2016, Giám đốc Công ty Gạch T có đem tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế về hành vi chiếm đoạt của Nguyễn H.

Như vậy, sau khi mượn tiền của Công ty Gạch T thông qua bà Trần Thị Kim C và bà Lương Thị Thanh Th, Nguyễn H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 2.523.000.000 đồng của Công ty Gạch T.

Tại Bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận về chữ ký, chữ viết ở bảng kê chi tiền do bà Trần Thị Kim C và bà Lương Thị Thanh Th lập và chữ ký ở dưới mục Kế toán trưởng tại bảng quyết toán quý 3 năm 2016 do Nguyễn H lập với chữ ký thu được cáo Nguyễn H là do một người ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2017/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 140; điểm b, p khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn H 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 04/01/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015;

Xử buộc bị cáo Nguyễn H phải bồi thường cho Công ty TNHH Gạch T số 2 tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền 2.523.000.000 đồng. Ngày 20/9/2017, bà Nguyễn Thị Hồng Đ (vợ của H) đã tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế theo Biên lai số 005082 để khắc phục hậu quả cho H nên được khấu trừ. số tiền còn lại bị cáo Nguyễn H phải bồi thường cho Công ty TNHH Gạch T số 2 tỉnh Thừa Thiên Huế là 2.503.000.000 đồng.

Tiếp tục kê biên nhà và đất tại số 10, Kiệt 02, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế do bị cáo Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ chuyển nhượng cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tống Kỳ A để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 03/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tống Kỳ A kháng cáo yêu cầu hủy bỏ lệnh kê biên nhà và đất thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế, với lý do: Việc nhận chuyển nhượng nhà và đất nêu trên của ông bà là ngay tình, hai bên đã giao nhận đủ số tiền chuyển nhượng. Bản án sơ thẩm nhận định nhà và đất này do thực hiện tội phạm mà có là không khách quan và không xem xét toàn diện các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Ngày 03/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ kháng cáo yêu cầu hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản mang tên Nguyễn Thị Hồng Đ tại các ngân hàng. Bên cạnh đó, nhà và đất thửa đất số 301, tờ bản đồ

số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế do vợ chồng bà tạo lập và do thiếu nợ nên phải chuyển nhượng để trả nợ, không có mục đích tẩu tán tài sản. Do đó, bà yêu cầu hủy bỏ lệnh kê biên nhà và đất thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 22/01/2018 bà Nguyễn Thị Hồng Đ rút kháng cáo về phần yêu cầu hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản mang tên Nguyễn Thị Hồng Đ tại các ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo: Ông Lê Văn B, bà Nguyễn Tổng Kỳ A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ngày 03/01/2018 và bà Nguyễn Thị Hồng Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về phần yêu cầu hủy bỏ lệnh kê biên nhà và đất thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Hành vi của bị cáo Nguyễn H bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a, khoản 4, Điều 140 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

+ Đối với kháng cáo của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tổng Kỳ A và kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo Hủy bỏ biện pháp kê biên của lệnh kê biên tài sản số 01/PC44 ngày 06/01/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đối với nhà và đất của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế do không đúng pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn H khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm và số tiền bị cáo chiếm đoạt của Công ty TNHH Gạch T số 2 tỉnh Thừa Thiên Huế bị cáo dùng vào việc tiêu xài cá nhân, không cho ai hoặc mua bất cứ tài sản gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy bỏ lệnh kê biên nhà và đất thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế:

[1.1] Ngày 06/01/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành lệnh kê biên tài sản số 01/PC44, kê biên nhà và đất tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 09/01/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành lập biên bản kê biên nhà và đất theo lệnh kê biên tài sản số 01/PC44. Theo biên bản thì tài sản kê biên là nhà ở và đất của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, có diện tích 112,1m²; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 545714 ngày 01/12/2010. Người đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Tống Kỳ A.

[1.2] Theo lời khai của bà A và ông B thì nhà và đất đang bị kê biên theo lệnh kê biên tài sản số 01/PC44 ngày 06/01/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế do ông B, bà A nhận chuyển nhượng của bị cáo Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ (vợ bị cáo H) vào ngày 19/8/2015 với giá trị chuyển nhượng 739.000.000 đồng (có lập hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/8/2015 nhưng không công chứng chứng thực đến ngày 15/7/2016 hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng lại và được phòng Công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế công chứng). Sau khi thỏa thuận chuyển nhượng ông B, bà A chuyển trả tiền mặt cho vợ chồng ông H, bà Đ số tiền 350.000.000 đồng và số tiền còn lại, bà Đ đến tại Ngân hàng Á Châu trả nợ vay cho ông H và bà Đ tại Ngân hàng TMCP A.

Lời khai của bà A và ông B phù hợp với các hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/8/2015 và ngày 15/7/2016; phù hợp với lời khai của các nhân chứng biết được việc chuyển nhượng nhà và đất bị kê biên là ông Nguyễn T1 và ông Lê Văn H; phù hợp với xác nhận của Ngân hàng TMCP A, gồm:

+ Bà Phan Thị Như H (Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP A): “Vào ngày 24/9/2015 chị Nguyễn Tống Kỳ A và anh Nguyễn H đã lên Ngân hàng A- phòng giao dịch A1 đã lên thanh lý tài khoản vay số 197999299- số tiền 346.639.598 đồng.”

+ Bà Trần Thị Thu Tr (Thủ quỹ phòng giao dịch A1- Ngân hàng A): “tôi đã nhận 346.639.598 đồng của khách hàng Nguyễn Tống Kỳ A nộp tiền để thanh lý tài khoản vay số 197999299 của anh Nguyễn H”.

+ Bà Phan Thị Hồng H1 (kế toán phòng giao dịch A1- Ngân hàng A): “xác nhận bút toán số 72 ngày 24/9/2015 do chị Nguyễn Tống Kỳ A nộp tiền thanh lý tài khoản vay của anh Nguyễn H STK 197999299- Số tiền 346.639.598 đồng”.

+ Ông Lê Xuân Ph (Giám đốc phòng giao dịch A1- Ngân hàng A): “Sau khi kiểm tra các chứng từ và camera Tôi xác nhận các phản hồi của các nhân viên là hoàn toàn chính xác”.

Phù hợp với hợp đồng tín dụng số 197999299 ngày 25/5/2015 do Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Huế cung cấp và phù hợp với việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận thế chấp và xóa thế chấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 545714 ngày 01/12/2010:

+ “Ngày 25/5/2015- Thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Huế...”.

+ “Ngày 29/9/2015 đã xóa thế chấp quyền sử dụng đất...”.

Do đó, có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ chuyển nhượng nhà và đất của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L (*đang bị kê biên*) với ông Lê Văn B, bà Nguyễn Tống Kỳ A vào ngày 19/8/2015; hợp đồng đã được các bên thực hiện và có thật; bên nhận chuyển nhượng là ông B và bà A đã trả tiền cho ông H và bà Đ.

[1.3] Theo nội dung của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 545714 ngày 01/12/2010 thể hiện: “Ngày 17/8/2011 người sử dụng đất được đổi tên là ông Nguyễn H ... và Nguyễn Thị Hồng Đ...nhận chuyển nhượng” và “Ngày 29/8/2016 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông B, sinh năm...và bà Nguyễn Tống Kỳ A, sinh năm...”;

Lời khai xác nhận của Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện P1: “ông Nguyễn H, sinh năm ... và bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm... cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 545714 vào ngày 17/8/2011, đối với thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21... Tuy nhiên, ngày 29/8/2016 ông Nguyễn H và Nguyễn Thị Hồng Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tống Kỳ A .” và lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng Đ về tài sản nhà và đất đang bị kê biên là do vợ chồng bà tạo lập vào năm 2011.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ căn cứ xác định nhà và đất của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L (*đang bị kê biên*) là do bị cáo Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ nhận chuyển nhượng và tạo lập vào năm 2011. Bên cạnh đó, sau khi nhận chuyển nhượng thì ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tống Kỳ A đã tiến hành đăng ký tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P1.

[1.4] Từ các phân tích nêu trên [1.1]- [1.3] cho thấy:

Nhà và đất của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21 kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng bị cáo Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ từ năm 2011, trước thời điểm bị cáo Nguyễn H thực hiện hành vi chiếm đoạt trong vụ án này (*tháng 9 năm 2015*) nên đây không phải tài sản do người khác phạm tội mà có và không phải là tài sản thuộc sở hữu riêng của bị cáo Nguyễn H.

Hơn nữa, bị cáo Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Hồng Đ chuyển nhượng nhà và đất của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L (*đang bị kê biên*) cho ông Lê Văn B, bà Nguyễn Tống Kỳ A vào ngày 19/8/2015, là trước ngày Công ty TNHH Gạch T số 2 tỉnh Thừa Thiên Huế có đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (*01/11/2016*) về hành vi chiếm đoạt của bị cáo H và trước ngày khởi tố vụ án này (*04/01/2017*). Vì vậy, không có căn cứ cho rằng hành vi chuyển nhượng nhà và đất của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L nhằm mục đích tẩu tán tài sản của bị cáo H.

Mặt khác, tài sản nhà đất của thửa đất số 301 này đã bị vợ chồng bị cáo H thế chấp tại ngân hàng để vay tiền và để được xóa thế chấp thì vợ chồng ông B, bà A đã trả số nợ vay ngân hàng này của vợ chồng bị cáo H và sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất thì ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tổng Kỳ A đã hoàn thành đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên theo Khoản 1 điều 168 và khoản 2 Điều 439 Bộ Luật dân sự năm 2005 thì: “Việc chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sở hữu” và “đối với tài sản mua bán mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì quyền sở hữu được chuyển cho bên mua kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản đó” thì tài sản bị kê biên theo lệnh kê biên tài sản số 01/PC44 ngày 06/01/2017 không phải là tài sản của bị cáo Nguyễn H (Lệnh kê biên số 01/PC44 ngày 06/01/2017 cũng đã ghi nhận bà Nguyễn Tổng Kỳ A là người đang đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và việc kê biên này ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tổng Kỳ A. Cho nên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ và kháng cáo của thì ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tổng Kỳ A về việc hủy bỏ việc kê biên nhà và đất thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế theo lệnh kê biên tài sản số 01/PC44 ngày 06/01/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản mang tên mang tên Nguyễn Thị Hồng Đ tại các ngân hàng:

Ngày 22/01/2018 bà Nguyễn Thị Hồng Đ đã rút kháng cáo về phần yêu cầu hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản mang tên Nguyễn Thị Hồng Đ tại các Ngân hàng. Việc rút yêu cầu kháng cáo này của bà Đ là tự nguyện và đúng pháp luật nên HĐXX không xem xét kháng cáo này.

[3] Do chấp nhận kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Hồng Đ; ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tổng Kỳ A không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự; về bồi thường; về xử lý vật chứng; về lãi chậm thi hành án; về quyền nghĩa vụ thi hành án và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355 và khoản 2 Điều 130 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ; ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tổng Kỳ A; sửa bản án sơ thẩm như sau:

Hủy bỏ biện pháp kê biên của lệnh kê biên tài sản số 01/PC44 ngày 06/01/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đối với nhà và đất của thửa đất số 301, tờ bản đồ số 21, tại kiệt 2 đường tỉnh lộ 10, thôn L, xã P, huyện P1, tỉnh Thừa Thiên Huế, đứng tên ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tổng Kỳ A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 545714 ngày 01/12/2010.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Đ; ông Lê Văn B và bà Nguyễn Tổng Kỳ A không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự; về bồi thường; về xử lý vật chứng; về lỗi chậm thi hành án; về quyền nghĩa vụ thi hành án và án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Thừa Thiên- Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên- Huế;
- Công an tỉnh Thừa Thiên- Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thừa Thiên Huế
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án, phòng lưu trữ, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh